

Số: 76 /2008/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 11 tháng 11 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTTTT-BNV ngày 30/6/2008 của Liên bộ Thông tin và Truyền thông - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hoá và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 754/TTr-STTTT ngày 14/10/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành;
- UBND các huyện, thị xã, TP. Biên Hòa;
- Trung tâm Công báo;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, CNN, các Phòng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh

QUY ĐỊNH

Về tổ chức và hoạt động của Sở Thông tin và Truyền thông
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 76 /2008/QĐ-UBND ngày 11/11/2008
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí, chức năng

Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về báo chí; xuất bản; bưu chính và chuyên phát; viễn thông và internet; truyền dẫn phát sóng; tần số vô tuyến điện; công nghệ thông tin; điện tử; phát thanh và truyền hình; cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông; quảng cáo trên báo chí, mạng thông tin máy tính và xuất bản phẩm (sau đây gọi tắt là thông tin và truyền thông); các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của Sở; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Sở Thông tin và Truyền thông có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức, hoạt động và biên chế, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điện thoại: (84.61)3827070; Fax:(84.61) 3827071

Website: www.dic-dongnai.gov.vn

Email: stttt@dongnai.gov.vn

Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ chung

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, 05 năm và hàng năm, chương trình, đề án, dự án về thông tin và truyền thông; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước, phân cấp quản lý, xã hội hoá về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

b) Dự thảo quyết định, chỉ thị thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh về các lĩnh vực thông tin và truyền thông;

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực thông tin và truyền thông;

b) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các đơn vị thuộc Sở theo quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển, các chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật về thông tin và truyền thông đã được phê duyệt; tổ chức thực hiện công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở.

Điều 3. Về báo chí (bao gồm báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử trên mạng Internet)

1. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động báo chí trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức kiểm tra báo chí lưu chiều và quản lý báo chí lưu chiều trên địa bàn tỉnh.

3. Cấp, thu hồi giấy phép hoạt động bản tin cho các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

4. Trả lời về đề nghị tổ chức họp báo đối với các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

5. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và đề nghị các cấp có thẩm quyền cấp thẻ nhà báo, cấp phép hoạt động báo chí, giấy phép xuất bản các ấn phẩm báo chí, ấn phẩm thông tin khác theo quy định của pháp luật cho các cơ quan báo chí và các cơ quan, tổ chức khác trên địa bàn tỉnh.

6. Xem xét cho phép các cơ quan báo chí của địa phương khác đặt văn phòng đại diện, văn phòng liên lạc, cơ quan thường trú trên địa bàn tỉnh.

7. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phát triển sự nghiệp phát thanh, truyền hình của địa phương sau khi được phê duyệt.

8. Quản lý việc sử dụng thiết bị thu tín hiệu phát thanh truyền hình trực tiếp từ vệ tinh cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Về xuất bản

1. Thẩm định hồ sơ xin phép thành lập nhà xuất bản của các tổ chức, cơ quan thuộc tỉnh để Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép thành lập nhà xuất bản theo quy định của pháp luật.

2. Cấp, thu hồi giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh cho cơ quan, tổ chức của địa phương, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc cơ

quan, tổ chức của Trung ương tại địa phương; cấp, thu hồi giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không nhằm mục đích kinh doanh cho cơ quan, tổ chức, cá nhân của địa phương; cấp, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm và giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài đối với các cơ sở in xuất bản phẩm trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về xuất bản.

3. Cấp, thu hồi giấy phép triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm; tạm đình chỉ việc tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh.

4. Quản lý việc lưu chiếu xuất bản phẩm và tổ chức đọc xuất bản phẩm lưu chiếu; kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền khi phát hiện xuất bản phẩm lưu chiếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

5. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về xuất bản; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động xuất bản trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

6. Tạm đình chỉ hoạt động in xuất bản phẩm hoặc đình chỉ việc in xuất bản phẩm đang in trên địa bàn tỉnh nếu phát hiện nội dung xuất bản phẩm vi phạm Luật Xuất bản và báo cáo Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; tạm đình chỉ việc phát hành xuất bản phẩm có nội dung vi phạm Luật Xuất bản của cơ sở phát hành xuất bản phẩm trên địa bàn tỉnh.

7. Thực hiện việc tiêu hủy xuất bản phẩm vi phạm pháp luật theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 5. Về bưu chính và chuyển phát

1. Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức việc thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh trong hoạt động bưu chính và chuyển phát trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện các quy định về áp dụng tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ, an toàn, an ninh thông tin trong bưu chính và chuyển phát trên địa bàn tỉnh.

3. Xác nhận thông báo hoạt động kinh doanh dịch vụ chuyển phát bằng văn bản cho doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát trong phạm vi nội tỉnh.

4. Cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư theo thẩm quyền.

5. Phối hợp triển khai công tác quản lý nhà nước về tem bưu chính trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Về viễn thông, Internet

1. Hướng dẫn, kiểm tra, chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông, Internet triển khai công tác bảo đảm an toàn và an ninh thông tin trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về giá cước, tiêu chuẩn, chất lượng trong lĩnh vực viễn thông và Internet trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

3. Chủ trì việc thanh tra, kiểm tra hoạt động và xử lý vi phạm của doanh nghiệp, đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet và người sử dụng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và theo ủy quyền của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn hoàn thiện các thủ tục xây dựng cơ bản để xây dựng các công trình viễn thông theo giấy phép đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp cho doanh nghiệp, phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương và theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Thông tin và Truyền thông tham gia một số công đoạn trong quá trình cấp phép, giải quyết tranh chấp về kết nối và sử dụng chung cơ sở hạ tầng.

6. Chỉ đạo các Phòng Văn hóa và Thông tin việc thanh tra, kiểm tra hoạt động và xử lý vi phạm của đại lý và người sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Về công nghệ thông tin, điện tử.

1. Tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm, công nghiệp điện tử, công nghiệp nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin; về xây dựng và quản lý khu công nghệ thông tin tập trung; về danh mục và quy chế khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia, quy chế quản lý đầu tư ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh sau khi được phê duyệt.

2. Tổ chức thực hiện, báo cáo định kỳ, đánh giá tổng kết việc thực hiện các kế hoạch về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước của tỉnh.

3. Tham mưu xây dựng quy chế, quy định về hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

4. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin, điện tử trên địa bàn tỉnh và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

5. Tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện các quy định về an toàn công nghệ thông tin theo thẩm quyền được phân công.

6. Tổ chức, hướng dẫn thực hiện các dự án ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ thu thập, lưu giữ, xử lý thông tin số phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở; thẩm định kỹ thuật và tổng dự toán các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; tổ chức triển khai các dự án đầu tư về công nghệ thông tin do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

8. Xây dựng quy chế quản lý, vận hành, đảm bảo kỹ thuật, an toàn thông tin; hướng dẫn sử dụng cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành, tác nghiệp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trong tỉnh về công tác phát triển và hoạt động các trang thông tin điện tử trên địa bàn tỉnh; về thống nhất kết nối, cung cấp nội dung thông tin và các dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; xây dựng, duy trì và phát triển trang thông tin điện tử (website, cổng thông tin) của Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo kỹ thuật, hoạt động hiệu quả và an toàn thông tin.

10. Khảo sát, điều tra, thống kê về tình hình ứng dụng và phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và điện tử; xây dựng cơ sở dữ liệu về sản phẩm, doanh nghiệp tại địa phương phục vụ công tác báo cáo định kỳ theo quy định.

11. Chịu trách nhiệm triển khai các chương trình xã hội hóa công nghệ thông tin của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông trên địa bàn theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

12. Thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin và điện tử của tỉnh.

Điều 8. Về quảng cáo trên báo chí, mạng thông tin máy tính và trên xuất bản phẩm

1. Hướng dẫn việc thực hiện quảng cáo trên báo chí, trên mạng thông tin máy tính và trên xuất bản phẩm trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

2. Thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động quảng cáo trên báo chí, trên mạng thông tin máy tính và trên xuất bản phẩm trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Về truyền dẫn phát sóng, tần số vô tuyến điện

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch phân bổ kênh tần số đối với phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh; các quy định về điều kiện, kỹ thuật, điều kiện khai thác các thiết bị vô tuyến điện được sử dụng có điều kiện;

2. Thực hiện thanh tra, kiểm tra hàng năm đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện thuộc mạng thông tin vô tuyến dùng riêng, đài phát thanh, phát hình có phạm vi hoạt động hạn chế trong địa bàn tỉnh; phối hợp với tổ chức tần số vô tuyến điện khu vực thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất đối với các mạng, đài khác.

3. Xử phạt theo thẩm quyền về vi phạm hành chính đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về sử dụng thiết bị phát sóng và tần số vô tuyến điện trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Về quyền tác giả, bản quyền và sở hữu trí tuệ

1. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tác giả đối với sản phẩm báo chí, xuất bản; bản quyền về sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông; quyền sở hữu trí tuệ các phát minh, sáng chế thuộc các lĩnh vực về thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ hợp pháp trong lĩnh vực quyền tác giả, bản quyền, sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn nghiệp vụ bảo hộ các quyền hợp pháp trong lĩnh vực quyền tác giả, bản quyền, sở hữu trí tuệ cho các ngành, địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và công dân đối với sản phẩm, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Công tác khác

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn và kiểm tra hoạt động các hội, hiệp hội và tổ chức phi chính phủ trong các lĩnh vực về thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Thông tin và Truyền thông quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ các lĩnh vực về thông tin và truyền thông đối với Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

4. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về dịch vụ công trong các lĩnh vực về thông tin và truyền thông:

a) Quản lý dịch vụ công ích:

- Đối với dịch vụ công ích thuộc thẩm quyền quyết định của Trung ương: Sở phối hợp hướng dẫn các doanh nghiệp, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, dự án cung ứng dịch vụ và giám sát, kiểm tra việc thực hiện, báo cáo kết quả thực hiện tại địa phương theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Đối với dịch vụ công ích thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương: Sở chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch, dự án cung ứng dịch vụ và tổ chức triển khai, quản lý thực hiện kế hoạch, dự án theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện quản lý nhà nước đối với các dịch vụ công khác theo quy định của pháp luật.

5. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tổ chức công tác thông tin liên lạc phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, phục vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại; thông tin phòng chống giảm nhẹ thiên tai; thông tin về an toàn cứu nạn, cứu hộ và các thông tin khẩn cấp khác trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư chuyên ngành về thông tin và truyền thông ở địa phương theo các qui định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Thực hiện các nhiệm vụ xây dựng, phối hợp xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành thông tin và truyền thông theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

8. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ trong các lĩnh vực về thông tin và truyền thông; hướng dẫn thực hiện các quy định của Nhà nước về áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật, về công bố chất lượng sản phẩm, dịch vụ đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh.

9. Triển khai thực hiện chương trình cải cách hành chính của Sở theo mục tiêu và chương trình cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và của Bộ Thông tin và Truyền thông; tham gia thực hiện điều tra, thống kê, cung cấp thông tin về các sự kiện, các hoạt động về thông tin và truyền thông theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

11. Quản lý và tổ chức thực hiện công tác hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực về lĩnh vực thông tin và truyền thông do Ủy ban nhân dân tỉnh giao, theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông và theo quy định của pháp luật.

12. Thanh tra, kiểm tra, xử lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ

Điều 12. Lãnh đạo Sở

1. Sở Thông tin và Truyền thông có Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

2. Giám đốc là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện các nhiệm vụ của Sở và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh khi được yêu cầu, đồng thời chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về các mặt công tác do Bộ Thông tin và Truyền thông thống nhất quản lý.

3. Các Phó Giám đốc là người giúp việc Giám đốc Sở, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công; khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở.

4. Việc bổ nhiệm Giám đốc và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành và theo các quy định của Đảng, Nhà nước về công tác cán bộ.

5. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, nghỉ hưu, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Cơ cấu tổ chức:

1. Cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông gồm có:

- a) Văn phòng;
- b) Thanh tra;
- c) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- d) Phòng Báo chí - Xuất bản;
- e) Phòng Bưu chính, Viễn thông;
- g) Phòng Công nghệ thông tin.

2. Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Thông tin và Truyền thông:

- a) Nhà Xuất bản Tổng hợp Đồng Nai;
- b) Trung tâm tư vấn - Ứng dụng Công nghệ Thông tin và Truyền thông.

3. Việc thành lập và quản lý tổ chức bộ máy các đơn vị trực thuộc Sở thực hiện theo quy định của pháp luật. Căn cứ nhiệm vụ, yêu cầu phát triển ngành, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng đề án thành lập mới các đơn vị trực thuộc Sở trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

4. Các phòng và đơn vị trực thuộc Sở có Trưởng, Phó các phòng; Trưởng, Phó đơn vị trực thuộc, giúp Giám đốc Sở quản lý công chức, viên chức và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của phòng và đơn vị trực thuộc được Giám đốc Sở quy định.

5. Việc bổ nhiệm các chức danh Trưởng, Phó các phòng; Trưởng, Phó các đơn vị trực thuộc thực hiện theo quy định và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh. Việc tiếp nhận công chức, tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các phòng, đơn vị thuộc Sở phải đảm bảo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đúng các quy định hiện hành về quản lý, sử dụng công chức, viên chức của Nhà nước và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 14. Biên chế

1. Biên chế hành chính của Sở Thông tin và Truyền thông do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trong tổng biên chế hành chính của tỉnh được Trung ương giao.

2. Biên chế sự nghiệp của các đơn vị trực thuộc Sở do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo định mức biên chế và theo quy định của pháp luật.

3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và số lượng biên chế được giao, Giám đốc Sở quy định biên chế cho các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc theo hướng tinh gọn và hiệu quả.

Chương IV **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA GIÁM ĐỐC SỞ**

Điều 15. Chế độ làm việc và trách nhiệm của Giám đốc Sở

1. Giám đốc làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo định kỳ và đột xuất.

2. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Sở và nhiệm vụ khác theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chịu trách nhiệm về chất lượng, nội dung các văn bản quy phạm pháp luật do Sở Thông tin và Truyền thông soạn thảo; về chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch phát triển, chương trình, kế hoạch công tác sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; về hiệu quả các dự án, các chương trình, đề án do Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện.

4. Chịu trách nhiệm về những công việc do Sở trực tiếp quản lý; chịu trách nhiệm liên đới về những công việc đã phân cấp cho chính quyền địa phương, do Sở không thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra để xảy ra sự cố, thảm họa, nguy hiểm, thất thoát, thiệt hại lớn đến tài sản của Nhà nước và nhân dân.

5. Chịu trách nhiệm khi có những khuyết điểm về quản lý và để xảy ra tình trạng tham nhũng, quan liêu, gây thiệt hại lớn trong cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Giám đốc.

6. Phân công cho các Phó Giám đốc giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Giám đốc hoặc ủy nhiệm cho Phó Giám đốc làm việc và giải quyết các vấn đề của địa phương, của các Sở ngành liên quan thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm về những quyết định của Phó Giám đốc được phân công hoặc ủy quyền giải quyết.

7. Tham gia đầy đủ các phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh (khi được mời dự), nếu Giám đốc không tham dự được các cuộc họp của Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan đến nhiệm vụ của Sở, có thể cử Phó Giám đốc dự thay (trường hợp cử đối tượng khác dự họp thay thì Giám đốc phải báo cáo lý do và được chủ trì cuộc họp chấp thuận trước).

8. Cùng tập thể thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng những đề án, chương trình (khi được yêu cầu) trình Hội đồng nhân dân, hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền.

9. Không chuyển các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở lên Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; không ban hành những văn bản trái với quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; những vấn đề vượt quá thẩm quyền được giao phải xin ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 16. Quyền hạn của Giám đốc Sở

1. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng, Thanh tra, Kế hoạch - Tài chính, các phòng chuyên môn nghiệp vụ, các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở.

2. Quản lý bộ máy biên chế, thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

3. Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

4. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Quyết định các công việc thuộc phạm vi quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông và chịu trách nhiệm về các quyết định đó.

6. Phân công hoặc ủy nhiệm cho các Phó Giám đốc giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Giám đốc.

7. Thực hiện các quyền hạn của Sở Thông tin và Truyền thông và các quyền hạn khác theo phân cấp, theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông.

Chương V MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 17. Đối với Bộ Thông tin và Truyền thông

Sở Thông tin và Truyền thông chịu sự hướng dẫn, chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ các mặt công tác do Bộ Thông tin và Truyền thông phụ trách. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm báo cáo tình hình công tác chuyên môn và cung cấp thông tin tài liệu cho Bộ Thông tin và Truyền thông theo chế độ định kỳ và yêu cầu đột xuất.

Điều 18. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

1. Sở Thông tin và Truyền thông chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh. Giám đốc Sở chấp hành, tổ chức triển khai, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình và kế hoạch tổ chức thực hiện của Sở Thông tin và Truyền thông cho Ủy ban nhân dân tỉnh theo chế độ quy định.

2. Trước khi tổ chức thực hiện các chủ trương của Bộ Thông tin và Truyền thông và của các ngành Trung ương có liên quan đến chương trình kế hoạch chung của tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông cần báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 19. Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở, ban, ngành

1. Sở Thông tin và Truyền thông tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trên nguyên tắc bình đẳng, cộng đồng trách nhiệm, hỗ trợ lẫn nhau theo chức năng của từng cơ quan để hoàn thành nhiệm vụ chính trị chung của tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn khác để giải quyết những vấn đề quản lý nhà nước do Sở Thông tin và Truyền thông phụ trách có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan khác; trường hợp có ý kiến khác nhau thì Giám đốc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Các vấn đề Giám đốc Sở trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan đến các cơ quan chuyên môn khác, phải có văn bản lấy ý kiến của các cơ quan đó.

Điều 20. Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hoà

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, chương trình, quy hoạch phát triển, kế hoạch, dự án về ngành thông tin và truyền thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; giải quyết các đề xuất, kiến nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện phù hợp với quy định quản lý nhà nước, đồng thời có trách nhiệm tiếp thu ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động ngành thông tin và truyền thông.

2. Trong trường hợp giữa Sở Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa có vấn đề chưa nhất trí thì Sở Thông tin và Truyền thông phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 21. Đối với các đơn vị, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố có trụ sở tại tỉnh Đồng Nai

1. Thực hiện các mối quan hệ bình đẳng, cùng nhau trao đổi, bàn bạc để đi đến thống nhất trong việc giải quyết các nhiệm vụ liên quan giữa đôi bên, trên cơ sở đảm bảo thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. Được sự ủy nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý nhà nước về lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông sẽ theo dõi và yêu cầu các đơn vị báo cáo tình hình các mặt công tác có liên quan đến công tác thông tin và truyền thông để phục vụ cho công tác chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân tỉnh

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

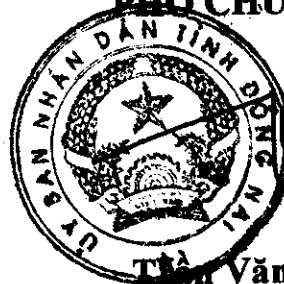
Điều 22. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Thông tin và Truyền thông trong toàn tỉnh.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung

Việc sửa đổi, bổ sung Quy định này do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông sau khi thống nhất với Giám đốc Sở Nội vụ và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tên Văn Vĩnh